

Giáo dục & Xã hội

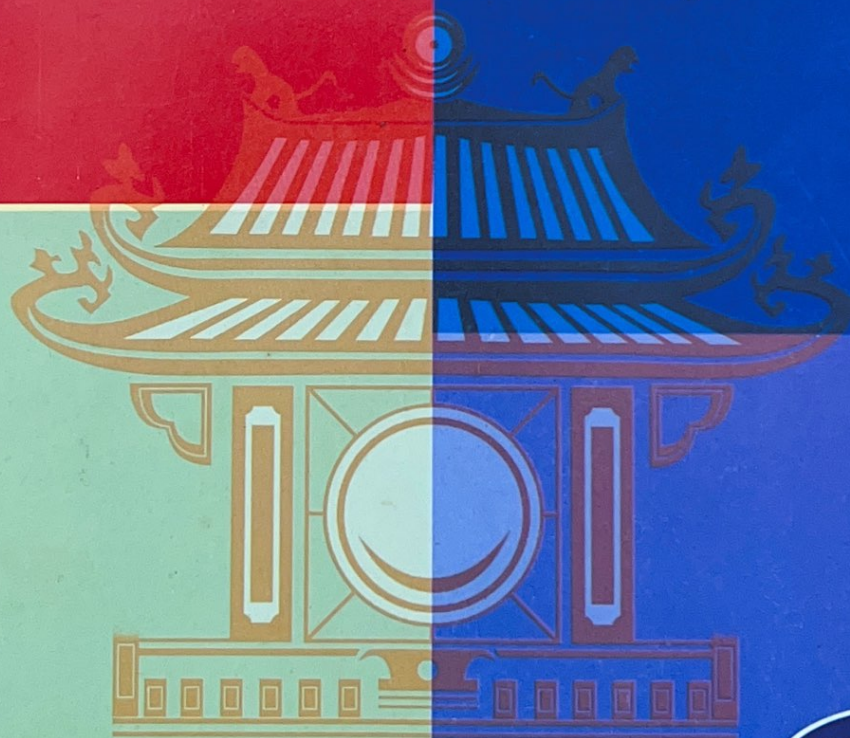
TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN,
DIỄN ĐÀN GIÁO DỤC CỦA HIỆP HỘI CÁC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

ISSN 1859-3917

www.giaoducvaxahoi.vn

A JOURNAL FOR RESEARCH, THEORY AND A FORUM IN EDUCATION
OF THE ASSOCIATION OF VIETNAM'S UNIVERSITIES AND COLLEGES

Journal of Education
and Society



Số Đặc biệt
Tháng 10 - 2017

MỤC LỤC - CONTENTS

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI - RESEARCH & DISCUSSION

- 5 Phạm Thị Thu Hằng:** Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và ý nghĩa đối với giáo dục, đào tạo ở nước ta hiện nay - Ho Chi Minh's thought of education and meaning for Vietnam's education and training nowadays.
- 9 Đặng Công Thành:** Vận dụng tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng - Applying Ho Chi Minh's ethics, style and thoughts on performing the 4th Central Resolution (Session XII) about building, reorganizing the Party.
- 13 Đào Thị Thúy Loan:** Quan điểm của V.I.Lênin về thực hành dân chủ trong công tác tư tưởng, lý luận - V.I.Lenin's view on the practice of democracy in ideological and theoretical work.
- 16 Phạm Văn Hùng:** Nâng cao nhận thức về chiến lược phòng, chống diễn biến hòa bình cho sinh viên Trường Đại học Hồng Đức - Some measures to raise awareness about the "peaceful evolution" strategy for Hong Duc University's students.
- 21 Nguyễn Thị Như:** Tư tưởng về giáo dục của Nho giáo thời Lý - Trần - Educational ideology of Confucianism in the Ly - Tran dynasties.
- 26 Nguyễn Văn Hòa:** Phong cách lãnh đạo Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong xây dựng phong cách lãnh đạo của đội ngũ cán bộ ở nước ta hiện nay - Ho Chi Minh's leadership and the application in building leadership styles for Vietnamese's cadres nowadays.
- 30 Dương Hùng Vương:** Tư duy quân sự sáng tạo của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh - The creative military thinking of General Nguyen Chi Thanh.
- 33 Nguyễn Thị Chính:** Tổng quan lý luận về khái niệm thích ứng trong tâm lý học - A review on theories of adaptation in psychology.
- 37 Nguyễn Thị Hương:** Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học môn *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (phần *Triết học*) ở các trường đại học tại Hà Nội - Using team discussion methodology in teaching subject *The basic principles of the Marxism-Leninism* (philosophy section) in the universities of Hanoi - Reality, causes and solutions.
- 42 Vũ Thị Kim Liên:** Những tác động của môn học Đọc mở rộng tới sinh viên ngoại ngữ năm thứ nhất Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội - Effects of extensive reading on fresher English-major students at ULIS, VNU.
- 45 Nguyễn Thị Hương:** Vai trò và ý nghĩa của phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học môn *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (phần *Triết học*) ở các trường đại học - The role and meaning of group discussing in teaching fundamental principle of Marx-Lenin (Philosophy module) in universities.
- 49 Phạm Thị Hồng Nhung:** Một vài biểu hiện về chất tài hoa, uyên bác và nghệ sĩ ở nhà văn Nguyễn Tuấn qua tùy bút "Người lái đò Sông Đà" - Expressions of Nguyen Tuan's talent, wisdom and artistry in his essay "Boatman in Da river".
- 52 Lê Thị Hoa Phượng:** Văn hóa Tây Nguyên trong truyện ngắn H'Linh Niê - Tay Nguyen's culture in the short stories of H'Linh Niê.
- 57 Tạ Thị Tâm:** Triết lý nhân sinh trong tác phẩm *Mùa lạc* của Nguyễn Khải - Human philosophy in the work "Peanut season" by Nguyen Khai.
- 61 Hồ Địa Tim:** Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh tiểu học - Renovating teaching methods under the orientation of improving primary students' active awareness.
- 66 Vũ Văn Long:** Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng quản lý cảm xúc của học viên Hệ 2 ở Học viện Chính trị hiện nay - Factors affecting emotional managing skills program 2 students in Political Academy nowadays.
- 69 Lương Công Lý:** Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên ở các học viện, đại học hiện nay - Improve the quality of management staff and lecturers at current institutions and universities.
- 74 Nguyễn Thị Diệp:** Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên Giáo dục công dân ở các trường, khoa sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông - Improving teaching quality for civics education teachers in pedagogic faculties and colleagues to meet requirements of renovating general education.
- 79 Phạm Văn Tuấn:** Phát huy vai trò của cha mẹ trong đảm bảo quyền bình đẳng giới giữa trẻ em nam và trẻ em nữ trong gia đình - Promoting parents' role in ensuring gender equality between boys and girls in family.

- 85 **Lê Quang Thành:** Một số vấn đề về nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng hình sự Việt Nam - Some issues about litigation principles in Vietnam criminal procedure.
- 89 **Trịnh Thị Yến:** Những điểm mới quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) - New points in regulations on juvenile in 2015 Criminal Code (amended 2017).
- 94 **Đổng Thị Kim Xuyên:** Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại Thái Bình tạo chuyển biến tích cực về chính trị - tư tưởng trong cán bộ và nhân dân - Implementation of the democracy regulation at grassroots level in Thai Binh to make politics and ideology evolution in cadre and people.
- 98 **Nguyễn Văn Hòa:** Xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực Nhà nước ở Việt Nam hiện nay - Building power management mechanism state in Viet Nam nowadays.
- 101 **Nguyễn Mạnh Hùng:** Điều tra tội phạm cưỡng đoạt tài sản do băng nhóm núp bóng doanh nghiệp thực hiện của lực lượng cảnh sát hình sự, Công an Thành phố Hà Nội - Investigation of property crime crimes committed by criminal gangs of enterprises conducted by the criminal police force, police of Hanoi.
- 105 **Nguyễn Ngọc Tú:** Giải quyết các vụ gây rối trật tự công cộng của lực lượng Cảnh sát 113, Công an Thành phố Hà Nội - Police 113, Ha Noi Police resolves public disturbances.
- 110 **Nguyễn Quỳnh Trang:** Giải pháp khắc phục khó khăn khi sử dụng các thành ngữ tiếng Anh - Solutions to overcome difficulties when using English idioms.
- 113 **Phạm Chí Trường:** Bồi dưỡng tư duy lí luận chính trị cho lực lượng cảnh sát thi hành án và hỗ trợ tư pháp hiện nay - Cultivating political argument thinking for judgment enforcement and judicial assistance police nowadays.
- 116 **Trần Hằng Ly:** Một số vấn đề lý luận về hành vi gây hấn ở học sinh trung học cơ sở - Some theoretical issues on aggressive behavior of secondary school students.
- 119 **Vũ Thị Duyên:** Nhận thức của học sinh trung học phổ thông về yếu tố nguy cơ gây nên rối loạn trầm cảm ở tỉnh Thái Bình - High school students' perception on risk factors to depressive disorder and its consequences in Thai Binh province.
- 123 **Nguyễn Thị Bích Phượng:** Niềm tin vào bản thân trong học tập của sinh viên người Khmer vùng đồng bằng Sông Cửu Long - Self-belief in studying of Khmer students in Mekong Delta.
- 127 **Trần Thị Vân:** Nghiên cứu một số thành tựu nghệ thuật Trung cổ phương Tây - Some researches on Western medieval art achievements.
- 130 **Mai Trọng An Vinh:** Triết lí về con người trong nghi lễ vòng đời của người Êđê ở Buôn Mê Thuột - Philosophy of human being in life cycle ritual of Ede people in Buon Me Thuot.
- 134 **Nguyễn Ngọc Diệp:** Đặc điểm đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở tỉnh Hải Dương - Characteristics of faiths and religions living in Hai Duong province.
- 138 **Dương Thị Phượng:** Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tâm linh trong phong tục thờ cúng tổ tiên của người dân tỉnh Hải Dương hiện nay - Solutions to conserve and develop spiritual cultural value in ancestor worship custom of Hai Duong's people.
- 141 **Nguyễn Hữu Hồng:** Giá trị giáo dục trong tư tưởng tử bi và bình đẳng của đạo Phật - Solutions to conserve and develop spiritual cultural value in ancestor worship custom of Hai Duong's people.
- 144 **Đặng Việt Xô - Nguyễn Hoài Nam:** Mạng xã hội và những tác động đến học viên các trường Công an nhân dân - Social network and the impact to Police's schools.
- 150 **Hoàng Văn Quỳnh:** Quan điểm và giải pháp phát huy vai trò của Luật tục trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên ở các vùng dân tộc thiểu số Việt Nam hiện nay - The viewpoints and solutions to promote the role of customary law in protecting natural resources in ethnic minority areas of Viet Nam nowadays.
- 155 **Nguyễn Thị Quỳnh Anh - Phạm Thị Mai Anh:** Nguyên tắc và quy trình can thiệp sớm cho trẻ chậm phát triển ngôn ngữ - Early intervention principles and procedures for language-delayed children.
- 161 **Vũ Ngọc Tuấn:** Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động trò chơi âm nhạc cho trẻ mẫu giáo 3-5 tuổi - Improving the quality of organizing music game activity for kindergarten children aged 3-5 years.
- 164 **Lại Thị Hà:** Giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non - Methods for teaching music to preschool students.
- 167 **Lâm Ngọc Thu:** Phòng tránh tai nạn thương tích cho trẻ trong các trường mầm non Quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh - Preventing accidents and injury for children in Tan Phu District kindergarten, Ho Chi Minh City.
- 172 **Nguyễn Văn Tấn - Cao Thị Thúy Diễm - Lai Nhà Trâm:** Đề xuất bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh - Propose quality evaluation standards set for Ho Chi Minh education management school.

- 177 Phạm Chí Trường:** Sự cần thiết phải bồi dưỡng tư duy lí luận chính trị cho đội ngũ cán bộ hiện nay - The need of cultivating political argument thought for officers nowadays.
- 180 Nguyễn Xuân Thành:** Tuyển dụng và sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên các trường dạy nghề phù hợp với Chuẩn nghề nghiệp - Recruiting and using efficient teachers in vocational schools in accordance with Occupational Standards.
- 184 Nguyễn Hoàng Hưng:** Năng lực tổ chức thực tiễn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lí cấp huyện là người dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang - Organizing ability of ethnic minority district-level leaderships in Ha Giang.
- 189 Hoàng Thị Thanh:** Mối quan hệ giữa xây dựng môi trường văn hóa, lối sống văn hóa với đạo đức môi trường - The relationship between cultural environment, cultural living style with environmental ethics.
- 193 Nguyễn Thị Thu Hằng:** Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức Phật giáo cho doanh nhân Việt Nam hiện nay - Some basic solutions to increase the effectiveness of Buddhism ethics education for Vietnamese businessmen nowadays.
- 198 Nguyễn Thị Tiến:** Giá trị văn hóa truyền thống với việc định hướng giá trị sống cho sinh viên trong thời kỳ hội nhập quốc tế - The values of traditional culture with orientating living values for students in the period of international integration.
- 203 Nguyễn Ngọc Diệp:** Hôn nhân trong quan niệm của người Việt Nam - Marriage in Vietnamese's approaching.
- 208 Lương Thị Minh:** Những giá trị trong văn hóa hầu đồng - Values in the culture of attending a seance.
- 214 Nguyễn Thị Minh Hạnh - Đỗ Thị Kim Hương - Lê Thị Yến:** Bảo hộ chỉ dẫn địa lý với việc đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ của người nông dân trong thương mại nông sản - The protection of Geographical Indications and Intellectual Property Rights for farmers in the agricultural commodities trade.
- 218 Đinh Thị Thúy Kiều:** Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và yêu cầu đặt ra đối với việc phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi - Industrialization, modernization of agriculture, rural areas and requirements for the development of Quang Ngai's human resources.
- 223 Đào Thị Tân - Nguyễn Thị Thu Phương:** Một số chính sách tạo việc làm cho lao động qua đào tạo ở tỉnh Thái Nguyên hiện nay - Some policies on creating employment for trained labor in Thai Nguyen province.
- 226 Phan Thị Lệ Dung:** Sự chuyển biến kinh tế nông nghiệp huyện Mỹ Đức (Hà Tây) thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến năm 2008 - The evolution of My Duc's agricultural economy (Ha Tay) in the innovation period from 1986 to 2008.
- 232 Phan Hà Hải Âu:** Tính tất yếu và yêu cầu của việc nâng cao đạo đức cách mạng cho đảng viên tỉnh Bến Tre hiện nay - Indispensability and requirements of enhancing revolutionary ethics for Ben Tre's Party members.
- 235 Nguyễn Phương Hải:** Đảng bộ Hải Phòng lãnh đạo tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách xuất, nhập khẩu giai đoạn 2001-2010 - Hai Phong Party leads innovating process of import - export mechanism and policies from 2001 to 2010.
- 240 Cao Thị Hạnh:** Phát huy vai trò của Liên đoàn Lao động tỉnh Sơn La theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay - Promoting the role of Son La labor union under Ho Chi Minh's thought in current period.

THỰC TIỄN GIÁO DỤC - EDUCATION FACTS

- 244 Ngô Thị Hiếu - Nguyễn Thanh Hưng:** Phát triển đội ngũ giảng viên ở Trường Đại học Tây Nguyên trong giai đoạn hiện nay - Developing lecture resource at Tay Nguyen university in current period.
- 249 Đàm Thu Vân - Vũ Thị Tuyết Mai - Đinh Thị Hoa:** Nâng cao chất lượng dạy học theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Hoa Lư - Improve the credit - based teaching and learning quality in Hoa Lu University.
- 252 Đỗ Hoàng Mai - Đỗ Thu Phương:** Phát triển năng lực thiết kế và tổ chức các tình huống dạy học môn Toán cho sinh viên ngành Giáo dục tiểu học Trường Đại học Hồng Đức - Develop the capacity to design and organize situation in teaching mathematics elementary education students at Hong Duc University.
- 256 Nguyễn Thị Thu Thủy - Trần Vĩnh Trung:** Mô hình hệ thống học điện tử E-learning cho Trường Trung học phổ thông Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk - Model of e-learning study system at Buon Don high school in Dak Lak province.
- 260 Phan Thanh Việt:** Phát triển đội ngũ giảng viên Trường Cao đẳng Kinh tế đối ngoại đến năm 2025 - Developing lectures at College Of Foreign Economic Relations to 2025.

- 265 Nguyễn Thị Duyên:** Nâng cao hiệu quả dạy học phân môn *Tập nặn tạo dáng* cho học sinh lớp 2 ở Trường Tiểu học Lê Hồng Phong, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - The measures to improve the effectiveness of teaching clay shaping module for 2 grade students at Le Hong Phong Primary School, Ha Long City, Quang Ninh Province.
- 269 Phạm Văn Tặc - Lê Huỳnh Thanh Huy - Trần Thiện Tánh:** Một số biện pháp bồi dưỡng phương pháp dạy Tiếng Anh ở tiểu học cho giáo viên vùng đồng bằng sông Cửu Long - Measures to foster English teaching methods for teachers of English in primary schools in Mekong Delta.
- 274 Vũ Thị Hương Giang - Bùi Duy Bình - Đoàn Sỹ Tuấn:** Nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong dạy học môn *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin* (phần *Triết học*) theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Hoa Lư - Improving active learning spirit of students during teaching and learning Basic principles of Marxist Leninism based on credit - based approach in Hoa Lu university.
- 280 Đỗ Thị Bích Ngọc:** Quản lý đào tạo theo định hướng phát triển năng lực người học ở Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy - Training management under the orientation of developing learners' capacity at the University of Fire fighting and prevention.
- 285 Hồ Thị Dung:** Quản lý hoạt động tổ chuyên môn trong trường tiểu học ở huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh - Managing professional groups in primary schools of Binh Chanh District, Ho Chi Minh city.
- 288 Ngô Quyết Chiến:** Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới hoạt động dạy nghề phổ thông ở Trung tâm Kỹ thuật hướng nghiệp - Tổng hợp tỉnh Quảng Trị - Some methods to develop teacher resource meeting requirements of renovating vocational training at Quang Tri Center of General Technical and Vocational Training.
- 292 Nguyễn Thị Vân:** Hoạt động giáo dục hướng nghiệp ở các trường trung học cơ sở Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh - Career education activities in secondary schools of District 4, Ho Chi Minh City.
- 297 Nguyễn Thị Thanh Trâm:** Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học Trường Song ngữ liên cấp Wellspring Sài Gòn - Educating life skills for primary students at Sai Gon Wellspring international bilingual school.
- 302 Nguyễn Sĩ Huân:** Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường tiểu học huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị - Development methods for educational managermt staff of elementary schools in Dakrong District, Quang Tri province.
- 308 Phan Thị Vóc:** Nhu cầu nhận thức và các phương thức thỏa mãn nhu cầu nhận thức của sinh viên sư phạm Trường Đại học Tây Bắc - Cognitive needs and modes of satisfying pedagogical students' cognitive needs at Tay Bac university.
- 313 Đặng Thế Anh - Nguyễn Thị Hoàn:** Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp - triển vọng mới trong đào tạo và bồi dưỡng giáo viên ở Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn - Fostering under standards of all levels teacher title - a new prospect in training and fostering teachers at Lang Son College of Education.
- 316 Nguyễn Thị Mỹ Liên:** Xây dựng trường mầm non đạt Chuẩn quốc gia trên địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - Building national standard kindergarten in District 7, Ho Chi Minh City.
- 320 Hoàng Thị Thanh Thủy:** Hoạt động tự học của sinh viên trong học tập các môn Lý luận chính trị ở Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn hiện nay - Self-study activities of students in learning subjects of Political theory at Lang Son pedagogy colleague nowadays.
- 324 Nguyễn Công Tâm:** Đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục học cho sinh viên sư phạm Trường Đại học Tây Bắc theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức - Innovating teaching methodology of education for students of Tay Bac University of Education in the direction of promoting positive awareness.
- 328 Võ Thanh Tùng:** Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở ở Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh - Educating life skills for secondary school students in District 4, Ho Chi Minh City.
- 332 Phạm Thị Minh Trâm:** Công tác giáo dục đạo đức cho học sinh tại các trường trung học phổ thông huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh - Ethics education for students in high school of Hoc Mon District, Ho Chi Minh City.
- 336 Dương Thị Thúy Hoa:** Đổi mới phương pháp giáo dục tại các trường mầm non ở Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh - Renovating education methods in kindergatens in District 11, Ho Chi Minh City.
- 341 Lâm Thị Thùy Loan:** Xây dựng đội ngũ giáo viên ở các trường chuyên biệt tại Thành phố Hồ Chí Minh - Building teacher resource in Special school in Ho Chi Minh City.

NGUYÊN TẮC VÀ QUY TRÌNH CAN THIỆP SỚM CHO TRẺ CHẬM PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH

Trường Đại học Vinh

PHẠM THỊ MAI ANH

Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An

Nhận bài ngày 20/10/2017. Sửa chữa xong 25/10/2017. Duyệt đăng 27/10/2017.

Abstract

Early invention is one of the most important activities in education for children with disabilities from the age of 5 in general and children with disorders, language delays or defects in particular. This article proposes the principles and procedures of early intervention for language-delayed children to assist teachers, families in stimulating and maximizing the language development, mitigating and improve pre-school children's language delays.

Keywords: *Early invention, language delays, principles, procedure.*

1. Đặt vấn đề

Can thiệp sớm (CTS) là một trong những nội dung vô cùng quan trọng trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ cho trẻ khuyết tật (TKT) nói chung, trẻ chậm phát triển ngôn ngữ (CPTNN) nói riêng. CTS cho trẻ CPTNN trong 5 năm đầu nhằm kích thích và huy động tối đa sự phát triển ngôn ngữ (PTNN) của trẻ, làm giảm nhẹ hay khắc phục sự chậm trễ của trẻ. Đây chính là sự chuẩn bị quan trọng cho việc học và chuẩn bị tiến để để trẻ có thể hội nhập tại các trường phổ thông.

Giai đoạn mầm non là giai đoạn đầu tiên trong cuộc đời, là những năm tháng rất quan trọng hình thành nhân cách con người. CTS sẽ tạo một nền tảng tốt, giúp trẻ CPTNN cơ hội mở rộng mối quan hệ xã hội, có cuộc sống hạnh phúc và ý nghĩa hơn. Do đó, thiết kế được quy trình can thiệp phù hợp với trẻ CPTNN và tổ chức thực hiện đúng theo những nguyên tắc của CTS sẽ giúp trẻ CPTNN có cơ hội bắt kịp bạn bè và tự tin để bước vào trường phổ thông.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm CTS

Nói đến CTS là nói đến một hệ thống các dịch vụ phối hợp để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển phù hợp với lứa tuổi của trẻ và hỗ trợ các gia đình trong những năm đầu tiên.

Theo tác giả Trần Thị Lệ Thu: CTS là sự hướng dẫn sớm (mang tính giáo dục), hỗ trợ sớm cho trẻ

và gia đình trẻ. Sự hướng dẫn, hỗ trợ không chỉ chú trọng đến trẻ, mà còn chú trọng đến cả bố mẹ và các thành viên khác trong gia đình của trẻ [3].

Còn tác giả Trần Thị Thiệp và Nguyễn Thị Hoàng Yến đưa ra định nghĩa: "CTS là những chỉ dẫn ban đầu và các dịch vụ dành cho trẻ và gia đình TKT trước tuổi tiểu học nhằm kích thích và huy động sự tham gia, phát triển ở trẻ, tạo điều kiện và chuẩn bị tốt cho trẻ tham gia vào hệ thống giáo dục bình thường và vào cuộc sống xã hội sau này" [2], [4].

Những quan điểm về CTS đều chú ý đến các dịch vụ, chỉ dẫn ban đầu dành cho TKT (hoặc nguy cơ khuyết tật) và gia đình. Sự trợ giúp đó thực hiện từ giai đoạn phát hiện, chẩn đoán đến hướng dẫn. Công tác CTS từ trước đến nay hầu hết chú ý đến đối tượng TKT mà chưa chú ý nhiều đến các đối tượng khác. Trên thực tế, đối với trẻ có sự phát triển không bình thường, dừng ở ranh giới chậm hơn, khó khăn hơn trẻ bình thường (nhưng không phải khuyết tật) cũng rất cần có sự can thiệp kịp thời.

Vi vậy, theo chúng tôi, CTS là sự trợ giúp kịp thời cho gia đình và những trẻ có sự phát triển không bình thường (bao gồm trẻ tự kỷ, TKT, trẻ gặp khó khăn, rối loạn trong quá trình phát triển hoặc chậm phát triển...). Các dịch vụ hỗ trợ thực hiện theo quy trình từ giai đoạn phát hiện, chẩn

đoán sớm, đánh giá, đến xây dựng các bài tập luyện và thực hiện kế hoạch giáo dục giúp trẻ khắc phục khó khăn, phát triển tối đa khả năng, chuẩn bị các điều kiện tốt nhất cho trẻ tham gia vào hệ thống giáo dục bình thường và vào cuộc sống xã hội sau này.

Đối với trẻ CPTNN, CTS là việc cần làm ngay và vô cùng cần thiết. Can thiệp ngôn ngữ diễn ra khi những người can thiệp (nhà trị liệu, GV, cha mẹ...) khuyến khích hay đáp ứng trẻ một cách có ý thức nhằm hỗ trợ sự PTNN cho những trẻ được coi là có nguy cơ chậm hoặc có khó khăn về ngôn ngữ.

2.2. Một số nguyên tắc cơ bản của CTS đối với trẻ CPTNN

Sự PTNN và kỹ năng giao tiếp của trẻ là một quá trình động được định hình bởi các yếu tố sinh học, kinh nghiệm, sự tương tác của môi trường. Trong quá trình phát triển đó, điều quan trọng nhất là cung cấp các dịch vụ CTS và những nguyên tắc của CTS chính là nhân tố cơ bản tạo nên thành công trong công tác CTS cho mỗi trẻ. Nguyên tắc CTS cung cấp những hiểu biết cơ bản để những người tham gia vào công tác CTS có thái độ tích cực và thực hiện một cách hiệu quả.

Căn cứ theo những nguyên tắc CTS cho TKT nói chung, trẻ bị các dạng tật nói riêng, chúng tôi đề xuất một số nguyên tắc CTS cho trẻ CPTNN như sau [2], [3], [4].

2.2.1. CTS cho trẻ CPTNN phải lấy gia đình làm trung tâm và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh gia đình

Mục tiêu của tất cả các dịch vụ CTS và hỗ trợ là giúp gia đình quan tâm đến thể mạnh của mỗi trẻ, đến nhu cầu, đặc điểm phát triển và phong cách học tập của trẻ, không thể có cách chăm sóc - giáo dục giống nhau cho mọi đứa trẻ, ngay cả đối với trẻ ở cùng một nhóm khuyết tật. Tuy nhiên, cần chú ý đến yếu tố quan trọng là khả năng sắp xếp dịch vụ phù hợp với văn hóa gia đình, trình độ hiểu biết của mỗi gia đình, với các quan điểm giáo dục của phụ huynh, với nhu cầu và đặc điểm, điều kiện của mỗi gia đình.

Căn cứ vào các dấu hiệu điển hình của mỗi trẻ để xây dựng một chương trình cá nhân riêng. Trong đó, tập hợp các nội dung, phương pháp, nguyên tắc, hình thức thực hành để hỗ trợ và hướng dẫn, cung cấp những tri thức về chăm sóc - giáo dục trẻ cũng như tri thức CTS cho gia đình,

tăng cường sự phát triển và khả năng học tập của trẻ. Chương trình được xây dựng căn cứ trên cơ sở khả năng, nhu cầu của trẻ, phải được sự thống nhất của cha mẹ và dựa trên nhu cầu, điều kiện của gia đình. Bởi, gia đình là một yếu tố không thể thay đổi trong suốt cuộc đời của trẻ, hệ thống các dịch vụ và người phục vụ không thay thế được. Đặc biệt, trong quá trình CTS cho trẻ CPTNN, gia đình chắc chắn là môi trường thực hành lí tưởng cho sự PTNN của trẻ, trong đó cha mẹ là người có nhiều thời gian bên trẻ nhất và cũng là người hiểu trẻ, thường xuyên trò chuyện, chăm sóc, quan tâm dạy dỗ trẻ bằng tất cả tình yêu thương.

Vì thế, gia đình giữ vai trò chính của công tác CTS. Gia đình có thể lựa chọn các chương trình phù hợp và có hệ thống, trong đó các hệ thống dịch vụ sẽ hỗ trợ việc lập kế hoạch, xây dựng nội dung chương trình, cách thức thực hiện, ra quyết định trong quá trình can thiệp.

2.2.2. Đảm bảo tăng cường cho trẻ CPTNN tích cực tham gia các hoạt động trong môi trường tự nhiên

Dịch vụ CTS thực sự có hiệu quả khi vận dụng phối hợp các mô hình lý thuyết, thực nghiệm với đặc điểm phát triển của trẻ trong các điều kiện xã hội và văn hóa khác nhau. Bên cạnh việc cho trẻ chủ động giao tiếp, trẻ được nói, được phát biểu và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ nên GV cần xác định việc thực hành, luyện tập là mặt hỗ trợ và phát triển trong quá trình đánh giá các hoạt động và thao tác của trẻ. Thực hành, luyện tập trong môi trường tự nhiên sẽ theo dõi được tốc độ phát triển, biết được kinh nghiệm của trẻ để thực hiện tương tác phù hợp với độ tuổi, mức độ nhận thức, phong cách, thể mạnh, sở thích... của trẻ. Đồng thời, hiểu được sự quan tâm của gia đình cùng các điều kiện hỗ trợ khác.

Kỹ năng nói và ngôn ngữ được sử dụng chủ yếu để giao tiếp hàng ngày trong các mối quan hệ tương tác xã hội. Do đó, các dịch vụ CTS cho trẻ CPTNN tối ưu nhất là cho trẻ được trải nghiệm trong môi trường giao tiếp tự nhiên đó. Các chuyên gia, những người chăm sóc - giáo dục trẻ cần tổ chức nhiều hoạt động kích thích, lôi kéo trẻ tham gia vào môi trường trải nghiệm một cách tự nhiên nhất, đồng thời cung cấp thêm kinh nghiệm học tập thực tế cho trẻ, thúc đẩy trẻ tăng cường giao tiếp với những người chăm sóc trẻ và những người xung quanh. Học tập, thực hành, trải

nghiệm đích thực có thể giúp trẻ phát triển tối đa các kỹ năng giao tiếp, PTNN và thúc đẩy chức năng tổng quát các hành vi mới để làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống hàng ngày.

2.2.3. Chương trình phải đảm bảo tính toàn diện, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chuyên gia với nhà giáo dục và gia đình

Trong chương trình này, cha mẹ (ông bà, anh chị em hoặc những người thân khác của trẻ) và trẻ CPTNN có thể ở bất kỳ đâu trong cộng đồng sẽ được các chuyên gia hướng dẫn, hỗ trợ, chia sẻ thông tin cần thiết ban đầu và những điều họ quan tâm.

Căn cứ vào Luật Người khuyết tật [6], trẻ em tham gia dịch vụ CTS có thể được hỗ trợ bởi một mô hình nhóm nhiều chuyên gia đang làm việc trong các lĩnh vực khác nhau. Các chuyên gia có trách nhiệm lựa chọn mô hình can thiệp thích hợp nhất cho trẻ ở từng gia đình. Theo đó, CTS cho trẻ CPTNN sẽ là một phần của dịch vụ CTS toàn diện, hình thức này đóng vai trò vô cùng quan trọng với kiến thức chuyên môn của chuyên gia về sự phát triển sớm điển hình và không điển hình của trẻ ở các lĩnh vực giao tiếp, ngôn ngữ, lời nói, nhận thức, thính giác, hành vi xã hội/tình cảm, chữ cái... và việc sử dụng công nghệ hỗ trợ. Như vậy, trong quá trình CTS cho trẻ CPTNN, ngoài sự hỗ trợ trực tiếp của gia đình, các nhà giáo dục cần phải có sự hỗ trợ của chuyên gia ở một số lĩnh vực khác như ngôn ngữ, tâm lý, y tế, xã hội học... Chỉ có sự hợp tác chặt chẽ và tiếp tục CTS chúng ta mới có thể giúp trẻ phát triển ngôn ngữ tốt nhất.

2.2.4. Chương trình can thiệp phải dựa trên chất lượng cao nhất và cần tiến hành CTS càng sớm càng tốt

Hầu hết những nghiên cứu gần đây cho rằng, thực hành CTS phải được dựa trên sự tích hợp chất lượng cao nhất cả về tính chuyên nghiệp, chuyên môn, nhu cầu, sở thích của gia đình và tính hiệu quả. Chương trình CTS cho trẻ CPTNN cũng cần có sự hỗ trợ, phối hợp từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm cả chủ trương, chính sách, quan điểm, những nghiên cứu thực nghiệm đã được công bố và cả về vật chất. Chương trình này cần có sự phối hợp tốt nhất cả từ phía gia đình, trường mầm non, trường tiểu học và các tổ chức xã hội khác.

Giai đoạn mầm non là giai đoạn có sự phát triển rất nhanh về nhiều lĩnh vực, trong đó, nổi bật hơn cả là lĩnh vực ngôn ngữ và nhận thức. Ngôn

ngữ là phương tiện không thể thiếu được trong sự phát triển của trẻ. Vì vậy, PTNN và CTS cho trẻ CPTNN kịp thời, toàn diện sẽ tạo tiền đề cơ sở cho mọi sự phát triển của trẻ ở giai đoạn sau. Ngay khi cha mẹ phát hiện ra trẻ có vấn đề về ngôn ngữ cần tiến hành can thiệp hỗ trợ trẻ càng sớm càng tốt. CTS cho trẻ CPTNN phải gắn chặt với các hoạt động trong trường mầm non, chuẩn bị các điều kiện tốt nhất cho việc đến trường phổ thông của trẻ sau này.

2.3. Quy trình CTS cho trẻ CPTNN

Quy trình này bao gồm các bước:

Bước 1: Đánh giá sàng lọc, phát hiện (screening)

Sàng lọc ngôn ngữ và giao tiếp ở trẻ là một quá trình phát hiện sớm những lệch lạc trong PTNN, xác định trẻ có nguy cơ CPTNN hoặc ngôn ngữ không bình thường. Căn cứ vào mức độ phát triển chung của trẻ được thể hiện trong "mốc phát triển", phụ huynh, GV, người chăm sóc trẻ sẽ phát hiện những lệch lạc hoặc chậm trễ đó. Kết quả của bước này không phải là sự chẩn đoán mà sàng lọc ra những trẻ có biểu hiện bất thường về ngôn ngữ để kiểm tra tiếp.

Mục đích của bước đánh giá, sàng lọc này để phát hiện những trẻ có vấn đề về ngôn ngữ, đánh giá, phân loại các trẻ có sự PTNN không bình thường so với các trẻ khác cùng độ tuổi. Từ đó, tiếp tục xác định mức độ PTNN của từng trẻ lệch lạc, xếp trẻ vào nhóm khuyết tật ngôn ngữ hay là chậm phát triển đơn thuần.

Quá trình sàng lọc trên cần có sự phối hợp của cả gia đình, nhà trường và các chuyên gia, được kết luận bằng kết quả của nhóm các chuyên gia.

Bước 2: Đánh giá chẩn đoán (xác định lĩnh vực và mức độ lệch lạc)

Sau khi các lệch lạc, chậm trễ trong PTNN của trẻ được phát hiện, trẻ được đánh giá sâu hơn về các lĩnh vực khác như: nghe hiểu ngôn ngữ, biểu đạt ngôn ngữ bằng lời; giọng nói và ngữ điệu cùng các kĩ năng giao tiếp,...

Mục đích chính của bước này là xác định trẻ bị tật hay chậm ngôn ngữ, xác định trẻ chậm lĩnh vực nào, mức độ chậm phát triển và nguyên nhân của nó... Phát hiện và đánh giá chẩn đoán sớm mới có hi vọng điều trị và ngăn chặn tình trạng chậm trễ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch hỗ trợ để kịp thời tiến hành các biện pháp can thiệp.

Ở bước này, các chuyên gia, nhà giáo dục sẽ sử

những kỹ năng giao tiếp, PTNN và thúc đẩy chức năng tổng quát các hành vi mới để làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống hàng ngày.

2.2.3. Chương trình phải đảm bảo tính toàn diện, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các chuyên gia với nhà giáo dục và gia đình

Trong chương trình này, cha mẹ (ông bà, anh chị em hoặc những người thân khác của trẻ) và trẻ CPTNN có thể ở bất kỳ đâu trong cộng đồng sẽ được các chuyên gia hướng dẫn, hỗ trợ, chia sẻ thông tin cần thiết ban đầu và những điều họ quan tâm.

Căn cứ vào Luật Người khuyết tật [6], trẻ em tham gia dịch vụ CTS có thể được hỗ trợ bởi một mô hình nhóm nhiều chuyên gia đang làm việc trong các lĩnh vực khác nhau. Các chuyên gia có trách nhiệm lựa chọn mô hình can thiệp thích hợp nhất cho trẻ ở từng gia đình. Theo đó, CTS cho trẻ CPTNN sẽ là một phần của dịch vụ CTS toàn diện, hình thức này đóng vai trò vô cùng quan trọng với kiến thức chuyên môn của chuyên gia về sự phát triển sớm điển hình và không điển hình của trẻ ở các lĩnh vực giao tiếp, ngôn ngữ, lời nói, nhận thức, thính giác, hành vi xã hội/tình cảm, chữ cái... và việc sử dụng công nghệ hỗ trợ. Như vậy, trong quá trình CTS cho trẻ CPTNN, ngoài sự hỗ trợ trực tiếp của gia đình, các nhà giáo dục cần phải có sự hỗ trợ của chuyên gia ở một số lĩnh vực khác như ngôn ngữ, tâm lý, y tế, xã hội học... Chỉ có sự hợp tác chặt chẽ và tiếp tục CTS chúng ta mới có thể giúp trẻ phát triển ngôn ngữ tốt nhất.

2.2.4. Chương trình can thiệp phải dựa trên chất lượng cao nhất và cần tiến hành CTS càng sớm càng tốt

Hầu hết những nghiên cứu gần đây cho rằng, thực hành CTS phải được dựa trên sự tích hợp chất lượng cao nhất cả về tính chuyên nghiệp, chuyên môn, nhu cầu, sở thích của gia đình và tính hiệu quả. Chương trình CTS cho trẻ CPTNN cũng cần có sự hỗ trợ, phối hợp từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm cả chủ trương, chính sách, quan điểm, những nghiên cứu thực nghiệm đã được công bố và cả về vật chất. Chương trình này cần có sự phối kết hợp tốt nhất cả từ phía gia đình, trường mầm non, trường tiểu học và các tổ chức xã hội khác.

Giai đoạn mầm non là giai đoạn có sự phát triển rất nhanh về nhiều lĩnh vực, trong đó, nổi bật hơn cả là lĩnh vực ngôn ngữ và nhận thức. Ngôn

ngữ là phương tiện không thể thiếu được trong sự phát triển của trẻ. Vì vậy, PTNN và CTS cho trẻ CPTNN kịp thời, toàn diện sẽ tạo tiền đề cơ sở cho mọi sự phát triển của trẻ ở giai đoạn sau. Ngay khi cha mẹ phát hiện ra trẻ có vấn đề về ngôn ngữ cần tiến hành can thiệp hỗ trợ trẻ càng sớm càng tốt. CTS cho trẻ CPTNN phải gắn chặt với các hoạt động trong trường mầm non, chuẩn bị các điều kiện tốt nhất cho việc đến trường phổ thông của trẻ sau này.

2.3. Quy trình CTS cho trẻ CPTNN

Quy trình này bao gồm các bước:

Bước 1: Đánh giá sàng lọc, phát hiện (screening)

Sàng lọc ngôn ngữ và giao tiếp ở trẻ là một quá trình phát hiện sớm những lệch lạc trong PTNN, xác định trẻ có nguy cơ CPTNN hoặc ngôn ngữ không bình thường. Căn cứ vào mức độ phát triển chung của trẻ được thể hiện trong "mốc phát triển", phụ huynh, GV, người chăm sóc trẻ sẽ phát hiện những lệch lạc hoặc chậm trễ đó. Kết quả của bước này không phải là sự chẩn đoán mà sàng lọc ra những trẻ có biểu hiện bất thường về ngôn ngữ để kiểm tra tiếp.

Mục đích của bước đánh giá, sàng lọc này để phát hiện những trẻ có vấn đề về ngôn ngữ, đánh giá, phân loại các trẻ có sự PTNN không bình thường so với các trẻ khác cùng độ tuổi. Từ đó, tiếp tục xác định mức độ PTNN của từng trẻ lệch lạc, xếp trẻ vào nhóm khuyết tật ngôn ngữ hay là chậm phát triển đơn thuần.

Quá trình sàng lọc trên cần có sự phối hợp của cả gia đình, nhà trường và các chuyên gia, được kết luận bằng kết quả của nhóm các chuyên gia.

Bước 2: Đánh giá chẩn đoán (xác định lĩnh vực và mức độ lệch lạc)

Sau khi các lệch lạc, chậm trễ trong PTNN của trẻ được phát hiện, trẻ được đánh giá sâu hơn về các lĩnh vực khác như: nghe hiểu ngôn ngữ, biểu đạt ngôn ngữ bằng lời; giọng nói và ngữ điệu cùng các kĩ năng giao tiếp,...

Mục đích chính của bước này là xác định trẻ bị tật hay chậm ngôn ngữ, xác định trẻ chậm lĩnh vực nào, mức độ chậm phát triển và nguyên nhân của nó... Phát hiện và đánh giá chẩn đoán sớm mới có hi vọng điều trị và ngăn chặn tình trạng chậm trễ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch hỗ trợ để kịp thời tiến hành các biện pháp can thiệp.

Ở bước này, các chuyên gia, nhà giáo dục sẽ sử

dụng công cụ chẩn đoán nhằm thu thập thông tin liên quan đến tình trạng phát triển, sức khỏe và các dấu hiệu cần can thiệp.

Sàng lọc và đánh giá chẩn đoán sẽ được thực hiện thông qua một loạt các biện pháp và các hoạt động, bao gồm nhiều bài kiểm tra tiêu chuẩn hóa và sử dụng bảng câu hỏi, phỏng vấn, thăm dò dựa trên các tiêu chí, thông qua hoạt động giảng dạy, tổ chức các hoạt động chẩn đoán và một số phương pháp quan sát. Thông tin sẽ được tổng hợp từ sự tương tác trực tiếp với trẻ, từ phương tiện gián tiếp như phỏng vấn phụ huynh và sử dụng mẫu báo cáo cộng với quan sát trẻ trong các hoạt động tự nhiên với những người chăm sóc quen thuộc.

Ngoài ra, cần nghiên cứu hồ sơ cá nhân trẻ về tiền sử giáo dục và sức khỏe; phỏng vấn cha mẹ, người chăm sóc trực tiếp, GV; quan sát trực tiếp trong môi trường tự nhiên như ở nhà, ở trường; thực hiện trắc nghiệm ngôn ngữ để có kết quả chẩn đoán mức độ chậm PTNN một cách chính xác nhất.

Bước 3: Lập kế hoạch và thực hiện can thiệp, hỗ trợ

Việc lập kế hoạch và thực hiện can thiệp, hỗ trợ là bước tiếp nối của đánh giá ban đầu trong chuỗi làm việc liên tục của chương trình CTS. Lập kế hoạch giáo dục cá nhân là sự xác định rõ những mục tiêu giáo dục, biện pháp thực hiện để đạt được mục tiêu đó.

Khi trẻ được xác định là có nguy cơ hoặc có chậm trễ trong ngôn ngữ, giao tiếp, các thành viên của nhóm chuyên trách chăm sóc CTS bao gồm: bác sĩ nhi khoa, GV mầm non, GV giáo dục đặc biệt, chuyên gia thính học, vật lý trị liệu, trị liệu nghề nghiệp, huấn luyện viên, nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc,... xây dựng một kế hoạch cho các dịch vụ và hỗ trợ cho cá nhân trẻ và gia đình trẻ. Kế hoạch này sẽ được dựa trên thông tin từ nhiều đánh giá của chuyên gia các lĩnh vực (đặc biệt thông tin về trẻ từ phía gia đình kết hợp với phân tích, quan sát của nhóm nghiên cứu) về giao tiếp, ngôn ngữ, lời nói, nghe và các hành vi của trẻ. Do đó, tùy thuộc vào nhu cầu, đặc điểm của trẻ và gia đình trẻ, nhóm các chuyên gia xác định lĩnh vực, nội dung và phương pháp can thiệp cho trẻ; đồng thời xác định mô hình can thiệp, hỗ trợ.

Trên cơ sở đặc điểm, nhu cầu của trẻ CPTNN, GV có thể xây dựng những nội dung riêng cho việc thực hiện can thiệp, hỗ trợ trẻ như sau:

- Tăng cường độ nhanh nhạy thính giác

Do ảnh hưởng của tiếp nhận ngôn ngữ qua thính giác không rõ ràng nên sự phát triển lời nói và ngôn ngữ của trẻ gặp những khó khăn nhất định. Can thiệp trẻ CPTNN cần phải tác động đến thính giác, luyện kỹ năng lắng nghe. Cần ưu tiên thực hiện các bài luyện tập phát hiện, phân biệt âm thanh lời nói.

- Rèn luyện kỹ năng vận động và kỹ năng nhận thức

Trẻ em có vấn đề về vận động và nhận thức có nguy cơ cao bị thiếu hụt trong kỹ năng giao tiếp (Abbeduto & Boudreau, 2004).

Trẻ CPTNN thường có nguyên nhân từ việc phối hợp giữa các phần của vỏ não để thành lập mối liên hệ giữa các kỹ năng nhận thức, vận động và thông tin liên lạc. Do đó, mức độ nhận thức tổng thể của đứa trẻ cần được xem xét khi lập kế hoạch đánh giá và can thiệp với trẻ chậm ngôn ngữ.

- Tăng cường chức năng cảm xúc và xã hội

Các nghiên cứu của Guralnick (2005) cho thấy, sự phát triển tình cảm xã hội có tầm quan trọng trong PTNN. Đặc biệt, mối quan hệ giữa cha mẹ trẻ, giữa GV và học sinh, giữa trẻ với nhau là yếu tố quan trọng trong PTNN của trẻ. Vì vậy, GV cần thiết kế các hoạt động nhằm tăng cường chức năng cảm xúc xã hội cho trẻ trong sàng lọc và đánh giá [7].

- Rèn luyện cơ quan phát âm và hệ thống vận động cơ quan phát âm

Điều quan trọng là chúng ta phải xem xét các cấu trúc và chức năng của hệ thống cơ quan vận động phát âm như: môi, lưỡi, răng,... đặc biệt, sự phối hợp hoạt động của các cơ quan này. Sự thiếu hụt hoặc ít phối hợp hoạt động của các cơ quan đó sẽ gây ra những khó khăn trong biểu đạt ngôn ngữ (Nobrega, Borion, Henrot, & Saliba, 2004). Trong CTS cần tạo cơ hội để trẻ được rèn luyện cơ quan phát âm như các trò chơi để rèn độ linh hoạt của môi, lưỡi, sự phối hợp thường xuyên phối hợp với các âm cụ thể, hoặc bắt chước tiếng kêu, âm thanh...

- Tăng cường phát triển âm thanh lời nói

Carson, Klee và Hime (2003) cho rằng, nếu ngôn ngữ của trẻ ở độ tuổi trước mà chưa phát triển kịp như những trẻ bình thường khác thì có nguy cơ cao, chậm trễ trong ngôn ngữ nói ở giai đoạn sau. Đặc biệt, những trẻ đó không hoàn chỉnh phát âm thì vốn từ vựng biểu cảm sẽ bị hạn chế. Cho nên

thông tin về mức độ chức năng ngôn ngữ hiện tại của đứa trẻ, về lịch sử quá trình phát âm từ những nguyên âm, phụ âm, những từ ngữ với những độ khó trong phát âm khác nhau,... có thể rất hữu ích cho GV trong việc đưa ra các quyết định can thiệp và xây dựng các hoạt động cụ thể về phát triển lời nói giúp trẻ vượt qua sự trì trệ này. Trong can thiệp, cần coi trọng việc "nói" của trẻ, tạo điều kiện cho trẻ có nhiều cơ hội thể hiện những hiểu biết, cảm xúc càng nhiều càng tốt.

- Tăng cường chức năng giao tiếp

Khả năng giao tiếp là một cột mốc quan trọng của phát triển giao tiếp, một trong các dấu hiệu tiên lượng sớm ở trẻ nhỏ. Với tốc độ chậm của giao tiếp có thể là một chỉ báo về CPTNN. Trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ CPTNN, GV cần tạo các tình huống khuyến khích trẻ tương tác theo cả hai hướng "lôi kéo" hoặc bắt buộc trẻ phải thể hiện nhu cầu của bản thân. Thời gian tương tác, giao tiếp cũng là một yếu tố quan trọng trong việc đảm bảo cho trẻ không bị "thiếu hụt" hoặc chậm giao tiếp. Trong quá trình giao tiếp, ngoài ngôn ngữ nói ra thì phi ngôn ngữ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện ngôn ngữ của trẻ. Như vậy, có lịch sử về quá trình PTNN và tần số của các hành vi giao tiếp là rất hữu ích để đánh giá chức năng ngôn ngữ hiện tại cũng như xác định tiên lượng sự phát triển của các kỹ năng giao tiếp cho sự CTS.

- Đa dạng các phương tiện giao tiếp

Các nghiên cứu đã chứng minh: giữa việc sử dụng các phương tiện giao tiếp (ánh mắt, cử chỉ, các âm thanh, lời nói) và kỹ năng ngôn ngữ sau này ở trẻ em CPTNN (McCathren, Yoder, & Warren, 2000) cũng như những người có rối loạn phổ tự kỷ (Zwaigenbaum, Bryson, & Rogers, 2005) có mối quan hệ với nhau. Những trẻ được xác định là CPTNN, sử dụng cử chỉ giúp trẻ "bắt kịp" giao tiếp với các bạn đồng trang lứa. Khi hỗ trợ trẻ, GV cần sử dụng đa dạng các loại hình giao tiếp giúp trẻ có thể hiểu và tự mình tham gia vào quá trình giao tiếp.

- Tăng vốn từ vựng và lời nói

Tăng vốn từ vựng là một thành phần quan trọng về sự phát triển tổng thể của đứa trẻ, yếu tố quan trọng trong phát triển giao tiếp và học tập sau này. Sự tăng nhanh về vốn từ không chỉ phụ thuộc vào hệ thống giác quan và nhận thức của

trẻ mà còn ở kinh nghiệm của trẻ, ngôn ngữ đầu vào cùng môi trường văn hóa, xã hội bao quanh đứa trẻ. Vì vậy, GV cần cho trẻ tiếp cận với nhiều lĩnh vực nhận thức, hướng dẫn trẻ tự khám phá thế giới xung quanh, tự phát hiện những sự vật, hiện tượng, tìm ra mối quan hệ giữa chúng, biểu đạt những suy nghĩ, khái niệm bằng từ ngữ là một trong những yếu tố quan trọng làm giàu vốn từ của trẻ. Đặc biệt, cần giúp trẻ sử dụng đa dạng từ loại (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, quan hệ từ...) để giảm thiểu rào cản trong PTNN của trẻ.

- Phát triển ngữ pháp

Các nghiên cứu về PTNN trẻ em của Brown (1973), Hadley (2006) chỉ ra, bắt đầu vào năm thứ 2 trẻ em đã phát triển hệ thống ngữ pháp của ngôn ngữ. Vì vậy, việc đánh giá lĩnh vực ngữ pháp sớm có thể cung cấp cái nhìn sâu sắc về sự PTNN chung của trẻ. Khi trẻ em thêm động từ vào lời nói, trẻ cũng thường bắt đầu hình thành câu. Việc tạo điều kiện cho trẻ học và sử dụng cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt là một trong những yêu cầu quan trọng làm giảm thiểu những rào cản trong việc tiếp nhận và biểu đạt bằng ngôn ngữ.

Bước 4: Đánh giá chuyển tiếp

Mỗi giai đoạn can thiệp, các chuyên gia CTS phải theo dõi cả quá trình để thu thập những thông tin phản hồi,... từ đó tiến hành lượng giá toàn bộ các hoạt động của quá trình can thiệp xem đã đạt mục tiêu đề ra chưa, tìm hiểu nguyên nhân đạt hay chưa đạt.

Trong quá trình đánh giá, các chuyên gia CTS có thể sử dụng bộ công cụ đo sự phát triển ngôn ngữ, các phương pháp như test, quan sát, phỏng vấn, trò chuyện với từng trẻ, với phụ huynh, GV... để thu thập thông tin. Chuyên gia CTS phải chú ý tới sự tiến bộ của mỗi trẻ, khả năng chăm sóc và giải quyết vấn đề của phụ huynh, tính hợp lý của chương trình, khả năng thích ứng xã hội, hội nhập của trẻ.

Sau khi lượng giá cho kết quả, các chuyên gia sẽ phát hiện ra những hạn chế còn tồn tại hay những thành công khi thực hiện chương trình CTS. Khi giải quyết từng giai đoạn sẽ xuất hiện thêm những vấn đề mới cần giải quyết. Vì vậy, quá trình CTS mới lại xuất hiện, các chuyên gia lại tiến hành theo chu trình gồm các bước như cũ nhưng có sự khác biệt về bản chất. Sự khác biệt đó thể hiện ngay từ mục tiêu, phương pháp, hình thức tổ chức cho đến tài liệu và các thiết bị hỗ trợ.

Nếu trong chu trình CTS cũ trẻ có một số tiến bộ thì mục tiêu, chu trình CTS sau sẽ được yêu cầu cao hơn trong cùng lĩnh vực. Ngược lại, nếu trẻ chưa đạt hoặc khó khăn khi đạt mục tiêu đã định trong chu trình trước thì sẽ lặp lại hoặc có sự điều chỉnh cách thức, hình thức tổ chức CTS sao cho phù hợp với trẻ. Tài liệu và thiết bị hỗ trợ có thể giữ nguyên hoặc thay đổi, bổ sung thêm một số cái mới.

Ở Việt Nam hiện nay, hệ thống công cụ sử dụng để sàng lọc, chẩn đoán, đánh giá trẻ chậm phát triển hay TKT nói chung còn thiếu nhiều, chưa có tính hệ thống và chưa có những quy định về chuẩn hóa. Cho đến nay chưa có bộ công cụ chính thức nào để lượng giá CTS về ngôn ngữ, các công cụ để sàng lọc, phát hiện và đánh giá chưa đầy đủ, còn thiếu chính xác. Vì thế, công tác CTS về ngôn ngữ cho những trẻ CPTNN vẫn là một khoảng trống lớn, còn gặp nhiều khó khăn chưa làm tốt được.

3. Kết luận

Sự PTNN của trẻ em có qui luật chung, song đối với ngôn ngữ của mỗi trẻ sẽ có tính đặc thù riêng, mỗi dạng tật lại có những đặc điểm, khó khăn riêng. Do đó, công tác CTS cho trẻ CPTNN được tiến hành trên từng cá nhân và phải tuân thủ theo

những nguyên tắc can thiệp nhất định cũng như thực hiện đúng theo quy trình riêng cho công tác CTS trẻ CPTNN. Đồng thời, cần có sự kết hợp điều chỉnh hoặc phối hợp giữa các dịch vụ, kế hoạch kỹ thuật hoặc những công cụ sàng lọc, đánh giá, các phương tiện hỗ trợ cần thiết giúp trẻ hạn chế sự chậm trễ về ngôn ngữ, phát huy hết tiềm năng của bản thân, phát triển theo đúng độ tuổi, có thể tham gia vào hoạt động học tập sau này ở trường phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đức Minh, Phạm Minh Mục, Lê Văn Tạc, *Giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006.
2. Trần Thị Thiệp (chủ biên), *Giáo trình Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2014.
3. Trần Thị Lệ Thu, *Đại cương can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trẻ tuổi*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
4. Nguyễn Thị Hoàng Yến, *Đại cương về giáo dục khiếm thính*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật mầm non* (Tài liệu bồi dưỡng giáo viên cốt cán), Vụ Giáo dục mầm non, Hà Nội, 2003.
6. Quốc hội, *Luật Người khuyết tật*, Nghị quyết số Số: 51/2010/QH12, Ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2010.
7. Guralnick, M. J, *The developmental systems approach to early intervention*. Baltimore: Brookes, 2005.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI GÂY HẤN...

Tiếp theo trang 111

3. Kết luận

Lứa tuổi HS THCS có vị trí và ý nghĩa quan trọng, bởi đây là thời kỳ phát triển phức tạp cả về tâm, sinh lý, là thời kỳ chuẩn bị quan trọng cho những bước trưởng thành sau này về cơ sở, phương hướng hình thành quan điểm xã hội và đạo đức của nhân cách được hình thành và phát triển trong tuổi thiếu niên, lứa tuổi trưởng thành. Việc hiểu sự phát triển của tuổi thiếu niên giúp các em điều chỉnh, phát triển nhân cách toàn diện, đúng chuẩn mực xã hội.

HVGH là hành vi không chỉ gây tổn hại cả về mặt thể chất và tinh thần, đồng thời gây ảnh hưởng không chỉ tới cá nhân mà còn có thể gây ảnh hưởng tới một nhóm người trong khoảng thời gian nhất định. Đây còn là những hành vi vi phạm các chuẩn mực xã hội diễn ra trong nhà trường được biểu hiện thông qua nhận thức, thái độ và hành vi. Vì vậy, nghiên cứu về mặt lý luận HVGH ở HS THCS là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu thực trạng và đề xuất các biện

pháp thiết thực nhằm ngăn chặn HVGH ở các em, đảm bảo cho HS có sự phát triển lành mạnh, toàn diện trong nhân cách.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị Minh Đức, *Hành vi gây hấn phân tích từ góc độ tâm lý học xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
2. Nguyễn Hương Giang, *Nhu cầu giao tiếp của học sinh Trung học cơ sở có hành vi bạo lực học đường*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2014.
3. Lê Thị Lan Anh, *Một số yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến hành vi bạo lực học đường của học sinh trung học phổ thông*, Luận văn thạc sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2009.
4. Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Mai Lan, *Bạo lực học đường ở nước ta hiện nay - nhìn từ góc độ tâm lý học*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2013.
5. Hoàng Xuân Dung, *Khác biệt giới trong hành vi gây hấn của học sinh trung học phổ thông*, Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới số 3/2010.
6. Đinh Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Trần Văn Tĩnh, *Tâm lý học phát triển*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009.